

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **432/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 29-12-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Xuân Bình;**

2. Ông **Nguyễn Văn Thành;**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Phương B – sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ H – sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Anh B có mặt tại phiên tòa;

Chị H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Huỳnh Phương B trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2007, do tự nguyện, hai bên không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì giữa anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn về tiền bạc, đến năm 2013 anh bỏ đi và vợ chồng anh đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2008 và Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2010, hiện nay cả 02 con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh để chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai bị đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Năm 2009 chị và anh B tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau, chị và anh B thuê nhà trọ để ở. Trong quá trình chung sống chị và anh B không cự cãi, nhưng anh B đi làm và bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay.

Nay chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B vì 02 con chung không đồng ý cho chị và anh B ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2008 và Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2010. Khi ly hôn, chị nhận nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

*** Tại phiên tòa**

Bị đơn chị H vắng mặt.

Nguyên đơn anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H. Về con chung, khi ly hôn anh B để chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh B trình bày anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H. Về con chung, hiện nay 02 con chung đang do chị H nuôi dưỡng và theo bản tự khai chị H có ý kiến được nuôi con, đồng thời 02 con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh B trình bày giữa anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Huỳnh Phương B yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Mỹ H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị H không đến tham dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H, Hội đồng xét xử xét thấy anh B và chị H tự nguyện sống chung vào năm 2007, hai bên không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa anh B và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì giữa anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn về tiền bạc và vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh B yêu cầu ly hôn với chị H, phía bị đơn chị H không đồng ý ly hôn với anh B với lý do các con không đồng ý cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị H tham gia các lần hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt và chị H không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đồng thời lý do chị H không đồng ý ly hôn là do các con không đồng ý chứ không phải chị H muốn hàn gắn tình cảm với anh B. Ngoài ra, chị H và anh B đã ly thân trong thời gian dài nhưng vợ chồng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa anh B và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh B và chị H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2008 và Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2010, hiện nay cả 02 con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh B để chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn chị H yêu cầu được nhận nuôi dưỡng 02 con và không có ý kiến yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian anh B và chị H ly thân thì chị H là người nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời cháu N và cháu N đều có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến việc học tập, phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu nên cần giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị H trình bày trong quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H. Về con chung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, anh B và chị H trình vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Phương B đối với chị Trần Thị Mỹ H.

Anh Huỳnh Phương B được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2008 và Huỳnh Thị Yến N – sinh năm 2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0016854 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, nên anh B đã thi hành xong.

4/ Anh B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho chị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- UBND xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh